

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MA  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2021/QĐST - HNGĐ

Mường Ảng, ngày 06 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Bản PB, xã NT, thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Quàng Văn T1, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Bản K, xã AC, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84, 86, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2021.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 28 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, Không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:** Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn T1.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn T1 có 01 người con chung là cháu Quàng Việt A, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2012 .

Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn T1 đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau về việc giao nuôi con chung: Anh Tiến trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm

sóc và giáo dục cháu Quảng Việt A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Quảng Việt A cùng anh T1 với mức cấp dưỡng là 500.000 đồng trên một tháng, cấp dưỡng định kỳ hằng tháng. Thời gian giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lò Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản chị T thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về: Chị Lò Thị T và anh Quảng Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về án phí:** Chị Lò Thị T và anh Quảng Văn T1 thỏa thuận thống nhất mỗi người tự nguyện chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch và chị T tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng chị T và anh T1 là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên anh chị được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; Chị Lò Thị T được miễn toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS Mường Ảng;
- UBND xã NT;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP cho đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Vân**